TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGÔ QUYỀN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST Ngày 21-3-2019 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Minh Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Thu Hà

Bà Trần Thị Thu Quỳnh

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Dương Minh Nghĩa, Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Ông Đoàn Đình Hưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Bích N; nơi cư trú: phường A, quận B, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Ngọc S; nơi ĐKHKTT và cư trú cuối cùng: phường A, quận B, thành phố Hải Phòng (đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 18/2018/QĐST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết vụ dân sự ly hôn ngày 14/01/2019, trong bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vũ Thị Bích N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2010 chị Vũ Thị Bích N và anh Phạm Ngọc S kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng đến ngày 12 tháng 7 năm 2011 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại địa chỉ phường A, quận B, thành phố Hải Phòng. Quá trình kết hôn, anh chị chung sống bình thường được khoảng 1 năm thì nảy sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không phù hợp và do mâu thuẫn trong làm ăn kinh tế. Mâu thuẫn căng thẳng đến khoảng tháng 6/ 2013 anh S bỏ nhà đi. Chị N và gia đình đã tìm kiếm nhiều nơi, hỏi han bạn bè nhưng đều không biết anh S ở đâu. Vì vậy, chị N đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền tuyên bố anh S mất tích. Ngày 23 tháng 11 năm 2018 Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng đã có Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 18/2018/QĐST-DS tuyên bố anh Phạm Ngọc S mất tích. Do tình cảm vợ chồng không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh S.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị N và anh S có hai con chung là Phạm Ngọc B, sinh ngày 25 tháng 8 năm 2011 và Phạm Ngọc H, sinh ngày 24 tháng 12 năm 2012. Từ khi anh S bỏ nhà đi, chị N vẫn đang nuôi hai con. Vì vậy, khi ly hôn chị N có nguyện vọng được tiếp tục nuôi hai con Phạm Ngọc B và Phạm Ngọc H. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Phạm Ngọc S vắng mặt tại phiên tòa, đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 18/2018/QĐST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án về cơ bản đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 18/2018/QĐST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án đã thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 207; điểm b

khoản 2 Điều 227. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, các điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Vũ Thị Bích N được ly hôn với anh Phạm Ngọc S. Về con chung, giao hai con chung Phạm Ngọc B và Phạm Ngọc H cho chị N nuôi; về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết. Chị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên toà, Tòa án nhận định:

Xét về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Phạm Ngọc S đã bị Tòa án tuyên bố mất tích có nơi cư trú cuối cùng trên địa bàn quận Ngô Quyền nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là anh Phạm Ngọc S đã bị Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tuyên bố mất tích tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 18/2018/QĐST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2018. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 04 tháng 3 năm 2018, nguyên đơn chị Vũ Thị Bích N có mặt tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm Ngọc S vắng mặt lần thứ nhất nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn, Ủy ban nhân dân phường Vạn Mỹ và trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Phạm Ngọc S tiếp tục vắng mặt lần thứ hai dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Điều kiện và quá trình kết hôn như chị N đã trình bày, hôn nhân giữa chị N và anh S là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống bình thường, hạnh phúc được khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, do mâu thuẫn trong làm ăn kinh tế. Mâu thuẫn căng thẳng, đến giữa năm 2013 anh S bỏ nhà đi đâu không rõ; chị N và gia đình không liên lạc và không có tin tức gì của anh S. Chị N và gia đình đã tìm kiếm anh S nhiều nơi nhưng không có kết quả. Ngày 18 tháng 6 năm 2018 chị

N có đơn yêu cầu Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tuyên bố anh Phạm Ngọc S mất tích. Toà án quận Ngô Quyền đã ra Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 18/2018/QĐST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2018 về việc tuyên bố anh Phạm Ngọc S mất tích. Tòa án xét thấy, vì khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về việc nuôi con:

[4] Chị N và anh S có hai con chung như chị N đã trình bày. Tòa án xét thấy, anh S đã bị tuyên bố mất tích; từ khi anh S bỏ nhà đi, chị N vẫn nuôi hai con nên giao hai con Phạm Ngọc B và Phạm Ngọc H cho chị N nuôi là phù hợp với điều kiện thực tế, nguyện vọng của các con và quy định tại các điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về việc chia tài sản:

[5] Chị N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[6] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, chị Vũ Thị Bích N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Vũ Thị Bích N được ly hôn anh Phạm Ngọc S.

2. Về việc nuôi con:

Chị Vũ Thị Bích N và anh Phạm Ngọc S có hai con chung là Phạm Ngọc B, sinh ngày 25 tháng 8 năm 2011 và Phạm Ngọc H, sinh ngày 24 tháng 12 năm

2012. Giao hai con chung Phạm Ngọc B và Phạm Ngọc H cho chị N trực tiếp nuôi cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc chia tài sản:

Chị Vũ Thị Bích N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Vũ Thị Bích N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 15614 ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Chị Vũ Thị Bích N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Phạm Ngọc S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- UBND phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng (ĐKKH ngày 12/7/2011);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Thu